

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày 13-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hiền

Bà Bé Thị Chiêu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Bình, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lâm Hữu N**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/10/1990 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lục Văn X, sinh năm 1967; Con bà Đinh Thị H, sinh năm 1971; Vợ Hoàng Thị Ngọc T, sinh năm 1990 (đã ly hôn năm 2011); Có 01 con sinh năm 2010; Cùng trú tại: xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có 02 anh em ruột, bị can là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2024 đến ngày 13/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/01/1995 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Con ông Hoàng Văn L sinh năm 1972; Con bà Lục Thị M, sinh năm 1976 (đã chết); Vợ: Hoàng Thị H1 sinh năm 1996, nghề nghiệp: Công nhân tại tỉnh Bắc Giang; Có 01 con sinh năm 2017; Cùng trú tại: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có 02 anh em ruột, bị can là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2024 đến nay. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Q: Bà Hoàng Thị Diệp H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại khu vực tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C phối hợp Công an xã C, Công an thị trấn T bắt quả tang Hoàng Văn Q đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu trắng, không gắn biển kiểm soát chở theo 02 người Trung Quốc (Tiền Bằng Sinh sinh ngày 02/4/1991 và Tô Vĩnh L1 sinh ngày 13/3/1995, cùng trú tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc) đang trên đường xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 Pro, màu xanh, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số Imei1: 865071042160916, số Imei2: 86571042160908 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu trắng, không gắn biển kiểm soát. Đến ngày 23 tháng 10 năm 2024, Lâm Hữu N đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đầu thú, Cơ quan điều tra thu giữ của Quyết 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno10 5G, màn hình cảm ứng, mặt lưng màu xám, đã qua sử dụng, số Imei1: 862211064979198; số Imei2: 862211064979180, bên trong gắn sim số điện thoại 0945.488.111.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Sáng ngày 17 tháng 10 năm 2024, có một người đàn ông Việt Nam (không rõ họ tên, địa chỉ) gọi điện thoại thuê Lâm Hữu N đi đón 03 người Trung Quốc rồi đưa lên khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép, tiền công là 1.500.000 đồng/người, N đồng ý, nên người này hẹn 19 giờ đón người ở xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Buổi trưa cùng ngày, N gọi điện cho Hoàng Văn Q rủ cùng đi đón và đưa 03 người Trung Quốc để xuất cảnh trái phép, N hứa sẽ trả cho Q 1.000.000 đồng/người, Q đồng ý, nhưng vì Q không có xe máy nên N cho Q mượn xe máy của gia đình N. Khoảng 19 giờ cùng ngày, người đàn ông thuê N gọi điện thông báo 03 người Trung Quốc đã đến nơi hẹn ở khu vực xã C, đồng thời người này dặn N khi đón được người xong thì đưa lên khu vực Mốc 93 để họ xuất cảnh trái phép. Sau đó N gọi điện thoại cho Q sang nhà rồi giao cho Q điều khiển xe máy màu trắng, nhãn hiệu Honda Wave RSX, không gắn biển kiểm soát, N đi xe Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 11K1- 168.50. Khi hai người đi đến xóm Đ, xã C thì thấy một chiếc xe ô tô màu xám (không rõ biển kiểm soát và người điều khiển), loại xe 05 chỗ ngồi đang bật đèn cảnh báo, N và Q quay đầu xe lại, 03 người đàn ông Trung Quốc tự xuống xe ô tô rồi lên hai xe máy của N và Q điều khiển, N chở 01 (một) người đi trước, Q chở 02 (hai) người đi theo sau, N bảo Q chở người đi theo đường B về nhà Q ở xóm N, thị trấn T để cất xe máy rồi mới dẫn 03 người Trung Quốc đi bộ theo đường mòn lên Mốc 93. Tuy nhiên, khi đang di chuyển đến khu vực tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, N thấy có lực lượng chức năng đang làm việc nên

quay xe chạy hướng về xã C, còn Q và 02 người Trung Quốc ngồi sau bị bắt quả tang. Còn N khi đi đến đầu cầu N, cho người đàn ông Trung Quốc xuống xe rồi quay về hướng thị trấn T để về nhà. Đến ngày 23 tháng 10 năm 2024, N ra đầu thú tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

Hành vi của các bị cáo bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy tố theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSCB-P1 ngày 23/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lâm Hữu N, Hoàng Văn Q về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lâm Hữu N, Hoàng Văn Q phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu N từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại OPPO và 01 điện thoại Redmi của các bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Lâm Hữu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị cáo Hoàng Văn Q được miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Q: Nhất trí với tội danh và hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, Lâm Hữu N được một người đàn ông Việt Nam (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại để thuê đón 03 người Trung Quốc tại khu vực xã C rồi đưa lên khu vực biên giới Mốc 93 để xuất cảnh trái phép, tiền công là 1.500.000 đồng/người, N đồng ý và rủ Hoàng Văn Q cùng đi đón người, với tiền công là 1.000.000 đồng/người, Q đồng ý. Theo hẹn khoảng 19h cùng ngày, N và Q đến xóm Đ, xã C đón được 03 người Trung Quốc, N đèo Dương Thiệu K đi trước, Q đèo Tiền Bằng S và Tô Vĩnh L1 đi sau, khi nhóm người di chuyển đến khu vực tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, thì Q bị bắt quả tang, còn N chờ theo một người đã chạy thoát. Đến ngày 23/10/2024 N đến Cơ quan điều tra đầu thú. N và Q chưa nhận được tiền công như đã thỏa thuận.

Hành vi đón, đưa người để vượt biên sang Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi là vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người địa phương thông thuộc đường biên giới, việc đưa những người có ý định xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo gây khó khăn trong công tác quản lý, tuần tra, kiểm soát biên giới. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp.

Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lâm Hữu N tự nguyện đầu thú, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai báo về hành vi phạm tội của công dân trong vụ án khác. Do vậy, bị cáo Lâm Hữu N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn Q là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bên cạnh đó xét thấy đơn của ông Hoàng Văn L (bố bị cáo) có xác nhận của chính quyền địa phương trình bày về hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố bị mất sức lao động do tai nạn, vợ con đi làm ăn xa nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lâm Hữu Nghĩa là người nhận trực tiếp thông tin với người đàn ông Trung Quốc về việc đưa hai người xuất cảnh trái phép, rủ bị cáo Hoàng Văn Q cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò cao hơn. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đưa ra hình phạt phù hợp với vai trò của các bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, các bị cáo không có nghề nghiệp, vì mong muốn hưởng lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, có vai trò giúp sức cho người khác đưa đón người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ, trong đó có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo được hưởng án

treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Cần xử tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại OPPO và 01 điện thoại Redmi của các bị cáo do các bị cáo đã sử dụng để liên lạc, trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông thuê Lâm Hữu N và người lái xe ô tô chở người Trung Quốc giao cho N, Q, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để mở rộng điều tra vụ án.

Đối với hai công dân Trung Quốc xuất cảnh trái phép, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đã có Công văn đề nghị Phòng Q1 Công an tỉnh C xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lâm Hữu N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lâm Hữu N, Hoàng Văn Q phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu N **24 tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65, của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Q **18 tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời

gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu hóa giá lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 chiếc điện thoại của bị cáo Lâm Hữu N được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 10 5G của Lâm Hữu N”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

- 01 chiếc điện thoại của bị cáo Hoàng Văn Q được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 Pro của Hoàng Văn Q”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 56 ngày 12/02/2025.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lâm Hữu N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- PC 10 - CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na

